

MỤC TIÊU TRONG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - VẤN ĐỀ CẦN ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRƯỚC

PHÓ THỊ MAI
Trung tâm NCPP & KTCL

1. Mục tiêu với quá trình kiểm tra đánh giá năng lực một ngôn ngữ

Đánh giá năng lực ngoại ngữ chính là đánh giá năng lực về một ngôn ngữ cụ thể, đó là ngôn ngữ phi tiếng mẹ đẻ của người học hay sử dụng nó.

Kiểm tra đánh giá năng lực đối với bất kỳ một ngôn ngữ nào cũng có ba yếu tố cơ bản nhất phải tính đến trước tiên, đó là: đối tượng kiểm tra, mục tiêu kiểm tra và phương pháp kiểm tra. Ba yếu tố này đòi hỏi phải lần lượt trả lời các vấn đề sau đây: kiểm tra ai? Kiểm tra cái gì? Kiểm tra như thế nào?

So sánh giữa 3 yếu tố (đối tượng, mục tiêu, và phương pháp) nêu trên thì ai cũng thấy rõ mục tiêu là yếu tố mang tính chất căn bản nhất. Nó vừa là sự vạch định rõ ràng cho nội dung kiểm tra đánh giá, lại vừa quyết định vấn đề loại kiểm tra đánh giá đó phải áp dụng những phương pháp và thủ pháp nào. Vì vậy, trong kiểm tra đánh giá, mục tiêu có thể coi là vấn đề bản thể luận.

Nhìn từ góc độ trải nghiệm học, mục tiêu là nhân tố then chốt của tính hiệu quả trong kiểm tra đánh giá. Tính chất quan trọng của nó hết sức rõ ràng và cũng dễ nhìn thấy được. Ở đây, chúng tôi nêu vấn đề thuộc về một cách nhìn nhận đối với mục tiêu của quá trình kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ.

2. Xác định đúng mục tiêu kiểm tra đánh giá liên quan đến cách hiểu đúng khái niệm "năng lực ngôn ngữ"

Theo cách hiểu thông dụng hiện nay, năng lực ngôn ngữ bao gồm hai yếu tố: kiến thức ngôn ngữ và năng lực ngôn ngữ. F. de Saussure, người đặt nền móng cho ngành ngôn ngữ học cấu trúc đã có công lao rất lớn là phân định được hoạt động ngôn ngữ của loài người thành hai mặt: Ngôn ngữ và lời nói. Theo ông, ngôn ngữ là một bộ phận xác định của hoạt động lời nói, nó "vừa là sản phẩm xã hội của năng lực ngôn ngữ, vừa là một hợp thể gồm những quy ước tất yếu được cộng đồng xã hội chấp nhận để cho pháp các cá nhân vận dụng năng lực này". Ngôn ngữ là cần thiết để cho lời nói có thể hiểu được và gây được những hiệu quả của nó. Lời nói là sự vận dụng ngôn ngữ cụ thể của mỗi cá thể con người. Lời nói là cần thiết để cho ngôn ngữ được xác lập. Ngôn ngữ là hệ thống kiến thức được lưu truyền qua các thế hệ con người, bao gồm: Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng. Lời nói là sự vận dụng cá thể hóa đối với ngôn ngữ dưới hình thức nói (khẩu ngữ) hoặc viết (văn tự).

Để thuyết minh cho sự khác biệt giữa ngôn ngữ và lời nói, Saussure đã ví chúng như âm nhạc và biểu diễn âm nhạc. Ông nói: "Chúng ta có thể ví ngôn ngữ với nhạc giao hưởng, tính hiện thực của nhạc giao hưởng không hề có liên quan đến phương pháp biểu diễn. Những sai sót mà nhạc công biểu diễn nhạc giao hưởng có thể mắc phải chắc chắn không làm tổn hại tính hiện thực nêu trên". Điều đó có nghĩa là ngôn ngữ là một hệ thống tồn tại độc lập với cá thể con người. Người ta có thể học nó, vận dụng nó, nhưng khó mà tùy tiện làm biến đổi được nó.

Đứng về góc độ học ngôn ngữ mà nói, ngôn ngữ và lời nói về đại thể có thể được coi như hai giai đoạn khác nhau của một quá trình học tập. Nói chung, học một ngôn ngữ không phải tiếng mẹ đẻ, trước hết cần thiết phải nắm vững được một số lượng kiến thức ngôn ngữ nhất định, sau đó mới có thể vận dụng những kiến thức ngôn ngữ đó để tiến hành giao tiếp thực tế.

Trong một số cuộc kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ, chẳng hạn các kỳ thi kiểm tra trình độ tiếng Hán cao cấp ở Trung quốc cũng như ở hải ngoại, người ta phát hiện ra một thực tế như sau: có những thí sinh có kiến thức tương đối sâu về ngôn ngữ và văn học Trung quốc, có khi họ còn đang học nghiên cứu sinh Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ ở Trung quốc, nhưng khi tham gia kỳ thi kiểm tra năng lực tiếng Hán thì kết quả đạt được không phải là lí tưởng cho lắm. Giải thích vì sao có những hiện tượng như vậy, cái này liên quan nhiều đến mục tiêu của cuộc thi kiểm tra năng lực tiếng Hán. Vấn đề đặt ra là kiểm tra năng lực một ngôn ngữ thì chủ yếu là kiểm tra cái gì ở người thi?

Có thể nói ngay một cách khẳng định là: kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm mục tiêu chủ yếu là "đo" cho được khả năng vận dụng ngôn ngữ một cách toàn diện của thí sinh qua các mặt kĩ năng cơ bản: Nghe, Nói, Đọc, Viết. Kết quả đo được này phản ánh sự vận dụng ngôn ngữ mang tính khác biệt cá nhân của từng thí sinh và do đó cũng phản ánh rõ nét năng lực ngôn ngữ thực tế của họ.

Trở lại với ví dụ là các thí sinh có kiến thức ngôn ngữ văn học Trung quốc phong phú nhưng không đạt được thành tích cao trong thi kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Hán. Vì sao vậy? Bởi kiến thức ngôn ngữ của một người nào đó có thể là rất khá, nhưng điều đó chưa đủ đảm bảo chắc chắn là năng lực ngôn ngữ thứ tiếng ấy của họ nhất định là rất cao. Kiến thức ngôn ngữ và năng lực vận dụng ngôn ngữ tuy có mối quan hệ mật thiết không thể tách rời, nhưng rốt cuộc hai cái đó vẫn là hai vấn đề khác nhau.

Thông thường, một thí sinh có trình độ kiến thức ngôn ngữ cao, thì năng lực ngôn ngữ của người đó có thể cao, nhưng cũng rất có thể không cao. Đương nhiên không có khả năng xảy ra hiện tượng thí sinh có trình độ kiến thức ngôn ngữ thấp mà năng lực ngôn ngữ lại cao (loại trừ trường hợp năng lực ngôn ngữ tự nhiên của tiếng mẹ đẻ ở con người). Do vậy, những hiện tượng thí sinh có trình độ kiến thức ngôn ngữ cao nhưng không đạt được kết quả khả quan trong các kỳ thi kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ (tức ngôn ngữ đó) thì cũng là những sự việc bình thường, có thể lí giải được.

Vấn vận dụng sự so sánh của Saussure, người ta có thể giải thích vấn đề trên: nếu coi ngôn ngữ là âm nhạc và lời nói là việc biểu diễn âm nhạc, thì âm nhạc hoàn toàn có thể tồn tại được độc lập với sự biểu diễn, còn biểu diễn thì không thể thực hiện được nếu tách rời âm nhạc. Vì vậy, năng lực ngôn ngữ (hay năng lực giao tiếp), cái mà các cuộc kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ cần đo được không thể không liên quan đến kiến thức ngôn ngữ tích lũy được của thí sinh. Kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ tuy chắc chắn không phải là việc đánh giá kiến thức ngôn ngữ một cách thuần túy, nhưng kiến thức ngôn ngữ đã được cụ thể hóa, "lồng" trong các dạng thức câu hỏi hoặc bài tập; việc kiểm tra kiến thức ngôn ngữ ở đây đã được đặt trong các ngữ cảnh ngữ dụng nhất định và đòi hỏi thí sinh phải nắm được kiến thức ngôn ngữ ở mức độ nào đó mới có thể vận dụng và thực hiện được yêu cầu bài tập.

3. Thực chất của vấn đề đánh giá năng lực ngôn ngữ

Theo cách lí giải như trên thì có thể thấy: năng lực ngôn ngữ thực chất có hai mặt nội dung: một là kiến thức ngôn ngữ, hai là năng lực giao tiếp (khả năng vận dụng kiến thức ngôn ngữ trong thực tế giao tiếp).

Việc khảo sát kiến thức ngôn ngữ chủ yếu là xem xem chúng có được tính "phù hợp ngữ pháp" của ngôn ngữ đó hay không. Còn việc khảo sát năng lực giao tiếp thì chủ yếu lại cần coi trọng việc xem xem chúng có tính "chấp nhận được" hay không. Tuy nhiên, tính "chấp nhận được" lại có tiền đề là tính "phù hợp ngữ pháp" trong vận dụng kiến thức ngôn ngữ. Hai nhân tố này nằm trong một mối quan hệ thống nhất đối lập của một trạng thái động. Quan hệ giữa hai nhân tố này về cơ bản được thể hiện ra trên 3 tầng bậc như sau:

- Một là phù hợp ngữ pháp nhưng không chấp nhận được
- Hai là không phù hợp ngữ pháp nhưng có thể chấp nhận được
- Ba là vừa phù hợp ngữ pháp vừa có thể chấp nhận được

Ví dụ trong tiếng Hán, khi hỏi tên họ người khác thường nói: "Nín guìxìng?" (Quý danh của ông(bà) là gì ạ?). Đây là lối nói lịch sự và tôn trọng, vừa phù hợp ngữ pháp tiếng Hán vừa được chấp nhận rộng rãi. Nhưng nếu hỏi bằng câu: "Nì shì shuí?" (Ông(bà) là ai?) thì cách nói này tuy hoàn toàn phù hợp ngữ pháp nhưng lại gây nên phản cảm và khó chấp nhận đối với người nghe. Cũng với mục đích hỏi tên họ như trên, có lưu học sinh hỏi: "Nín de guìxìng?" thì câu nói này tuy không phù hợp ngữ pháp nhưng người nghe lại có thể hiểu đúng và có thể chấp nhận được.

Từ ví dụ trên cho thấy trong việc vận dụng ngôn ngữ thì mức độ hoàn hảo nhất là đạt tới quan hệ bậc ba: tạo ra được các phát ngôn vừa phù hợp ngữ pháp vừa chấp nhận được. Thứ đến là bậc hai: tuy không phù hợp ngữ pháp nhưng có thể hiểu và chấp nhận được và như vậy ít nhất vẫn đạt được mục đích giao tiếp. Còn ở bậc một có thể coi là chưa có khả năng vận dụng ngôn ngữ vì trong giao tiếp ngôn ngữ không thể sử dụng những phát ngôn không chấp nhận được dù ở phương diện nào, nghĩa học hay dụng học. (Tất nhiên loại trừ hoàn toàn những phát ngôn vừa không phù hợp ngữ pháp vừa không chấp nhận được trong giao tiếp).

Tính "chấp nhận được" của ngôn ngữ bao hàm nhân tố văn hóa trong xã hội của ngôn ngữ đích (ngôn ngữ phi tiếng mẹ đẻ). Nắm vững nhân tố văn hóa trong ngôn ngữ là điều kiện quan trọng để chuyển hóa từ kiến thức văn hóa thành giao tiếp ngôn ngữ chấp nhận được trong cộng đồng ngôn ngữ đó. Vì vậy, trong giảng dạy ngoại ngữ hoặc trong kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ đều cần thiết có sự chú trọng đầy đủ đến nhân tố văn hóa ngôn ngữ. Tuy nhiên cũng cần hiểu rằng nhân tố văn hóa nằm ngay trong bản thân bản thân giao tiếp ngôn ngữ nên việc dạy và kiểm tra năng lực ngôn ngữ phải tuân theo quy luật của bản thân ngôn ngữ đó cũng như quy luật của tâm lí nhận thức, chứ không thể dạy hoặc kiểm tra riêng biệt về nhân tố văn hóa của một ngôn ngữ. Nói cách khác, quá trình dạy và kiểm tra năng lực ngôn ngữ bao hàm cả việc dạy nhân tố văn hóa trong ngôn ngữ và giao tiếp ngôn ngữ cho người học và kiểm tra nó qua năng lực giao tiếp của người học, đánh giá xem nó có hội tụ được cả tính "phù hợp" và tính "chấp nhận được" hay không.

4. Thiết kế dạng thức kiểm tra theo mục tiêu đã xác định là một khâu quan trọng đảm bảo hiệu quả kiểm tra đánh giá

Mục tiêu của kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ như trên đã trình bày là "đo" cho được khả năng vận dụng ngôn ngữ một cách toàn diện của thí sinh. Nguyên tắc chủ yếu của loại hình kiểm tra này chủ yếu khảo sát năng lực ngôn ngữ (năng lực giao tiếp) là

chính, khảo sát kiến thức ngôn ngữ mang tính chất bổ trợ và kết hợp. Nhằm mục tiêu trên, nên cơ cấu các đề thi thường được thiết kế theo phương thức phân chia thành kĩ năng cơ bản: Nghe, Nói, Đọc, Viết. Năng lực vận dụng ngôn ngữ của thí sinh cũng như kiến thức ngôn ngữ của học sẽ được thể hiện một cách toàn diện đầy đủ qua từng kĩ năng cơ bản nêu trên.

Đánh giá năng lực ngôn ngữ nào đó nhằm trả lời vấn đề đặt ra là con người cụ thể nào đó có khả năng đảm nhiệm hoặc đáp ứng được những công việc phải giao tiếp bằng ngôn ngữ đó hay không.

Một hình thức đề thi tổng hợp và đa dạng hóa có thể làm cho năng lực ngôn ngữ của thí sinh được thể hiện đầy đủ trong khi xử lý bài tập và đáp ứng toàn bộ các yêu cầu đặt ra của đề thi.

Với kĩ năng Nghe và Đọc, ngữ liệu lựa chọn cho thí sinh là các ngữ liệu ở dạng ngôn ngữ tự nhiên, sống động. Nếu họ nghe hiểu hoặc đọc hiểu được các ngữ liệu đó thì tức là họ đạt tới trình độ giao tiếp cần thiết mà cộng đồng xã hội sử dụng ngôn ngữ đó đòi hỏi.

Với kĩ năng Viết và Nói, năng lực ngôn ngữ của thí sinh bộc lộ qua hai dạng biểu đạt bằng khẩu ngữ và văn tự. Mục tiêu khảo sát không yêu cầu đánh giá nghiêm ngặt xem thí sinh viết gì, nói gì mà chủ yếu là xem họ viết hoặc nói như thế nào. Cái "như thế nào" thuộc phạm trù hình thức và thể hiện đầy đủ năng lực vận dụng ngôn ngữ của thí sinh. Còn cái "gì" thuộc phạm trù nội dung. Hình thức và nội dung ở đây lẫn lộn tương ứng với "năng lực ngôn ngữ" và "hành vi ngôn ngữ" của con người. Có kiểm tra được mặt hình thức (cách thức vận dụng ngôn ngữ trong các kĩ năng giao tiếp cụ thể) hay không cũng do phương thức thức cùng các thủ pháp thiết kế đề thi phù hợp hay không quyết định.

Để đạt mục tiêu đánh giá năng lực ngoại ngữ của thí sinh, bên cạnh việc thiết kế một cấu trúc đề thi phù hợp còn một công việc khá quan trọng nữa là lựa chọn ngữ liệu một cách đa dạng hóa và quy chuẩn, rộng khắp. Ngữ liệu đưa vào kiểm tra bao gồm nhiều lĩnh vực đời sống xã hội như: chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kĩ thuật, y tế, thể thao, lịch sử, địa lí, phong tục, nhân tình thế thái..... Tính rộng khắp và phổ biến của ngữ liệu kiểm tra thể hiện trên nền bối cảnh hoạt động xã hội phong phú đa dạng, từ đó cũng nổi bật lên tính rộng khắp và quy chuẩn của ngữ liệu được lựa chọn.

Trong quá trình lựa chọn ngữ liệu, các chuyên gia trong lĩnh vực này cũng phải có sự gia công "sang sửa" cần thiết đối với các ngữ liệu được chọn. Chẳng hạn cắt bỏ những câu chữ không phù hợp ngữ pháp hoặc không quy phạm, không chấp nhận được trong thực tế giao tiếp. Với băng ghi âm ngữ liệu Nghe cần lựa chọn kĩ càng, nhất là các băng ghi âm phỏng vấn trên đài phát thanh, đài truyền hình cần sử dụng ngữ liệu ngữ âm tương đối chuẩn mực hoặc có pha chút ít sắc thái địa phương gần với chuẩn mực, không thể sử dụng những ngữ liệu ngữ âm có sắc thái tiếng địa phương quá nặng, quá khác biệt tiếng chuẩn...

Tóm lại, năng lực ngoại ngữ (hiểu theo nghĩa là năng lực giao tiếp một ngôn ngữ cụ thể) là một thực tế trả lời cho vấn đề đặt ra khi cần kiểm tra và đánh giá một con người cụ thể nào đó có đủ khả năng đáp ứng hoặc đảm nhiệm được những công việc đòi hỏi và bắt buộc phải sử dụng ngôn ngữ đó hay không.

Đây cũng chính là mục tiêu của loại hình kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ (một loại hình kiểm tra đánh giá riêng có sự khác biệt với các loại hình kiểm tra khác như: kiểm tra đánh giá kết quả học tập; kiểm tra để phân loại đối tượng đào tạo.....). Với cách nhìn như vậy, chúng tôi cho rằng: xác định trước hết và chính xác mục tiêu trong các loại

hình kiểm tra đánh giá nói chung và trong kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ nói riêng là một yếu tố cực kì quan trọng, có tính chất quyết định đối với việc hoạch định đúng đắn phương thức cũng như nội dung của kiểm tra. Chỉ có một mục tiêu được xác định chính xác ngay từ đầu mới có thể đem lại một kết quả công việc chính xác: khảo sát được những gì cần khảo sát; đo được những gì cần phải đo; một công việc tưởng như đơn giản nhưng không phải bao giờ cũng tìm ra được đáp số tối ưu nếu thiếu một cách nhìn nhận vấn đề và một cách làm việc khách quan và khoa học.